

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày 28 tháng 3 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan;

Các Hội thẩm nhân:

1 - Ông Nguyễn Ngọc Trứ - Cán bộ hưu;

2 – Ông Lê Thanh Miện - Hiệu trưởng trường THCS xã T S.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần – Thư ký Tòa án ND huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2018/TLST- HS ngày 09 tháng 3 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 đối với:

– Bị cáo: **Nguyễn Tiến H** (Tên gọi khác: Không có) – Sinh ngày 22/7/ 1999, tại: Xã T V, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, xã T V, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Thợ Mộc; Trình độ văn hoá 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Tạ Thị M; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ 18 giờ 00 phút ngày 26/12/2017 đến 18 giờ 00 phút ngày 04/01/2018, Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú(Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Chị **Chu Thị D** – sinh năm 1997 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N L, xã Ch M, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh **Nguyễn Văn H** - sinh năm 1989 (Xin vắng mặt) ;

Địa chỉ: Xóm K, xã Ng M, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

- *Người tham gia tố tụng khác*: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Tiến H đã thực hiện:

Cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 2017. Anh Nguyễn Văn Th (Là chồng chị Chu Thị D). Ở thôn N L, xã Ch M, huyện H, tỉnh Bắc Giang, có gặp Nguyễn Tiến H đang uống nước ở đầu thôn N L, H có hỏi anh Thành là biết ai thuê thợ mộc để H xin làm. Do đang cần người làm thợ mộc cùng, anh Th đã đồng ý bảo H đến nhà mình ăn, ở, sinh hoạt để cùng làm mộc với anh Th, H được anh Th trả tiền công là 270.000đồng một ngày. Anh Th đã ứng trước cho H 700.000đồng, khoảng 07 giờ hàng ngày H và anh Th sang xưởng Mộc của nhà anh Đ cùng xóm, cách nhà anh Th khoảng 300 mét để làm.

Buổi sáng ngày 09/12/2017 như thường lệ, vợ chồng anh Th cùng với H đến xưởng mộc của anh Đ để làm việc. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, H hỏi vay anh Th 2.000.000 đồng nhưng anh Th không đồng ý cho vay. Sau đó, H xin về trước. Đến 11 giờ 30 cùng ngày, khi vợ chồng anh Th đi làm về nhà thì phát hiện chiếc xe mô tô BKS: 99D1 - 315.68 của gia đình anh Th (đăng ký xe mang tên chị D) bị kẻ gian trộm cắp.

Ngày 25/12/2017 chị Chu Thị D đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Bắc Giang tố cáo hành vi trộm cắp của Nguyễn Tiến H;

Ngày 26/12/2017 H đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện H đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Sau thời gian hơn 01 tuần H được vợ chồng anh Th thuê về làm mộc, tại xưởng mộc của anh Đ. Buổi sáng ngày 09/12/2017, sau khi H hỏi vay tiền nhưng anh Th không đồng ý, H đã từ xưởng mộc đi về nhà anh Th trước. Lúc này do nhà anh Th không có ai ở nhà, do cần có tiền để chi tiêu, chơi bời, nên H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô BKS: 99D1 - 315.68 của gia đình anh Th đang để ở sân. H đi vào trong nóc tủ lạnh của gia đình anh Th, H lấy chiếc chìa khóa xe mô tô mà gia đình anh Th để ở đó, rồi cắm vào ổ khóa, H đề nổ máy và điều khiển xe mô tô đi về nhà. Sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô biển kiểm soát 99D1-315.68, H đi thẳng đến nhà anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1986, ở Quán Chè thuộc thôn K, xã N M, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, H vay anh H số tiền 4.000.000 đồng, đồng thời để lại chiếc xe mô tô BKS 99D1 -315.68 vừa trộm cắp được, H để lại nhà anh H để làm tin, số tiền này H đã ăn tiêu hết.

Cùng ngày 26/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu hồi chiếc xe mô tô BKS: 99D1 - 315.68 tại nhà anh H

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 28/12/2017. Hội đồng định giá tài sản huyện H đã kết luận về giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh biển kiểm soát 99D1- 315.68 do H trộm cắp là 16.000.000đồng (Mười sáu triệu đồng).

Tại lời khai của chị Chu Thị D (Là bị hại) trình bày: Vợ chồng Chị cùng làm việc ở xưởng mộc của anh Đ, cách nhà Chị khoảng 200 mét, khoảng 07 giờ 30 phút ngày 09/12/2017 vợ chồng Chị cùng Nguyễn Tiến H – người làm thuê cho chồng Chị là anh Nguyễn Văn Th (H ăn, ở sinh hoạt cùng gia đình Chị), đến xưởng mộc để làm việc như mọi ngày, khoảng 08 giờ 30 phút thì H có hỏi vay chồng Chị tiền, nhưng anh Th không có tiền cho H vay. Đến 10 giờ H xin nghỉ làm về trước. Đến 11 giờ 30 phút thì nghỉ làm việc, Chị đi về nhà và không thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 99D1-315.68, có số khung 12SFY330188; Số máy HC12E7329632 của Chị dựng ở trước cửa nhà, Chị vào nhà kiểm tra chìa khóa xe máy để trên đỉnh tủ lạnh của gia đình thì cũng không thấy chìa khóa. Lúc đó Chị biết là đã bị mất trộm chiếc xe mô tô ở trên. Chị hỏi những người hàng xóm xung quanh ở gần và được chị T cho biết: Khoảng hơn 10 giờ, chị T nhìn thấy H đi chiếc xe mô tô trên từ trong nhà chị D đi ra và dừng lại ở ngoài cổng, H quan sát xung quanh rồi điều khiển xe bỏ đi. Chiếc xe này chị D được bố mẹ để mua cho khi đi lấy chồng, vào tháng 03/2017 với giá 20.000.000đồng.

Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh H trình bày: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 09/12/2017, anh H đang ở nhà bán hàng thì Nguyễn Tiến H - sinh năm 1999 ở thôn Đ Đ, xã T V, huyện H đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển kiểm soát 99D1 – 315.68 đến nhà, do có quen biết H từ trước, H hỏi vay tiền, nên Anh đã cho H vay số tiền 4.000.000 đồng, H để chiếc xe mô tô trên lại làm tin, hai bên không viết giấy tờ gì, khi nào H trả tiền, thì Anh trả xe cho H. Sau đó anh H không thấy H đến trả tiền để lấy lại xe. Sau này chiếc xe bị Cơ quan Công an thu hồi. Ngày 21/3/2018 gia đình H đã trả lại anh Hải số tiền 4.000.000đồng, nên anh H không yêu cầu H phải trả Anh số tiền này nữa.

Cơ quan điều tra tiến hành ghi lời khai của chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1985 ở thôn N L, xã Ch M, huyện H (là hàng xóm, gần nhà chị D), chị T khai: Do là hàng xóm và thường xuyên sang nhà anh Th chơi, nên chị biết H mới đến làm thuê cho nhà anh Th. Khoảng hơn 10 giờ ngày 09/12/2017, Chị nhìn thấy H đi chiếc xe mô tô từ nhà anh Th ra.

Trong các ngày 29/12/2017 và 30/12/2017, Cơ quan điều tra đã cho chị T và anh H nhận dạng đối với H, kết quả: Chị T và anh H đã nhận ra H là người đã trộm cắp và mang chiếc xe đến cầm cố để vay tiền anh H.

Ngày 10/01/2018 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị Chu Thị D. Chị D không yêu cầu bồi thường dân sự mà chỉ đề nghị xử lý nghiêm đối với H về hành vi trộm cắp tài sản theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay: Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến gì đối với kết luận định giá ở trên. Bị cáo H thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe Honda Wave BKS 99D1-315.68 của chị D vào ngày 09/12/2017.

Bản cáo trạng số 20/CT -VSK - HH ngày 07/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đã truy tố Nguyễn Tiến H ra tr-ớc Toà án nhân dân huyện H, để xét xử về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm p, h Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H từ 07 tháng đến 09 tháng tù, trừ cho bị cáo ngày bị tạm giữ (Từ ngày 26/12/2017 đến ngày 04/01/2018). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo H phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo có lời nói sau cùng:

Bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1- Về tố tụng: Bị hại là chị Chu Thị D Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H đã đ-ợc Tòa án triệu tập, đều vắng mặt tại phiên tòa, nh-ng tr-ớc đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Đối chiếu với Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử vẫn Quyết định tiếp tục phiên tòa.

2 - Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện H, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

3 - Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận: H là thợ mộc và làm thuê cho vợ chồng anh Th, chị D. H ăn, ngủ tại nhà anh Th ở thôn N L, xã Ch M. Buổi sáng ngày 09/12/2017, H cùng vợ chồng anh Th đến xưởng mộc của gia đình anh Đ (Cách nhà anh Th khoảng 200 mét) để làm việc, khoảng 08 giờ 30 phút H hỏi vay anh Th 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), nhưng anh Th không cho vay. Đến khoảng 10 giờ thì H xin nghỉ làm để về trước, về đến nhà anh Th, do không thấy ai ở nhà. H thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển kiểm soát 99D1-315.68 của vợ chồng anh Th, chị D dựng ở sân trước cửa nhà không khóa. Do cần có tiền để chi tiêu, nên H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô. Do ăn, ở, sinh sống cùng nhà với vợ chồng anh Th, H biết anh Th, chị D để chìa khóa xe mô tô ở đỉnh tủ lạnh. H đã lấy chìa khóa xe mô tô và ra ngoài quan sát xung quanh, thấy không có người, H đã nổ máy và điều khiển chiếc xe mô tô 99D1 -315.68 của vợ chồng anh Th, chị D và đi thẳng lên nhà anh H ở Quán Chè thuộc xã N M, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, H vay của anh H 4.000.000đồng và để lại chiếc xe mô tô trộm cắp được ở nhà anh H để làm tin, sau đó H không quay lại trả tiền và lấy lại xe mô tô.

Khi chị D có đơn tố cáo bị cáo về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 99 D1 - 315.68. bị cáo đã có đơn xin đầu thú và khai nhận về hành vi trộm cắp mà bị cáo đã thực hiện.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Tiến H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng số 20/CT-VKS - HH ngày 07/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã nêu. Bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 07/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo là đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, vật chứng là chiếc xe mô tô Honda Wave BKS 99D1-315.68 đã bị thu hồi và trả lại cho người bị hại, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H đã có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, với mục đích chiếm đoạt đem bán để lấy tiền chi tiêu. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 16.000.000đồng (Mười sáu triệu đồng).

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Tiến H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “ Trộm cắp tài sản” được quy định Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Tiến H ra tr- ớc Tòa án hôm nay là đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi trộm cắp được tài sản và bị phát hiện, bị cáo đã thấy việc mình làm là vi phạm pháp luật và có đơn xin đầu thú, bị hại trong vụ án có đơn xin giảm nhẹ trách

nhệm hình sự cho bị cáo, gia đình bị cáo đã tự nguyện hoàn trả số tiền mà bị cáo vay và sử dụng chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp, để lại nhà anh H - là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để làm vật bảo đảm và tiền. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p Khoản 1; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Tình tiết tăng nặng TNHS: Không có.

Xét về Hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu đ- ọc pháp luật bảo vệ, tuổi đời của bị cáo còn trẻ, nhưng bị cáo lười lao động, thích chơi bời, lại muốn có tiền để chi tiêu cho bản thân thông qua việc trộm cắp, do vậy có thể đánh giá bị cáo rất coi thường pháp luật, ngang nhiên thực hiện hành vi trộm cắp, nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác giữa ban ngày, khi thấy tài sản của người khác để sơ hở, là bị cáo thực hiện ngay hành vi trộm cắp tài sản của họ, để đem cầm cố hoặc bán để có tiền chi tiêu.

Thời gian gần đây trên địa bàn huyện H thường xuyên xảy ra việc trộm cắp tài sản là xe mô tô của người dân, hành vi trộm cắp của bị cáo H đã gây nên sự hoang mang cho nhân dân tại địa phương, đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa ph- ơng, làm cho sự hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất niềm tin của người dân vào pháp luật. Nhưng xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo tuổi còn trẻ, suy nghĩ còn bông bột, chưa hiểu biết nhiều về pháp luật nên vi phạm pháp luật. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Khoản 2 (Đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.), bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy chưa cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong trại giam, cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại nơi cư trú, cũng đủ để bị cáo tự cải tạo, tạo điều kiện cho bị cáo trở thành người có ích đối với xã hội sau này, là thể hiện sự khoan hồng của Pháp luật đối với bị cáo, phù hợp với hướng dẫn áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 về án treo, Hướng dẫn tại Nghị quyết số: 01/2013/HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, áp dụng đối với bị cáo được cải tạo tại nơi cư trú có điều kiện.

Qua các tài liệu do cơ quan Công an thu thập và tại phiên tòa, xác định bị cáo không có thu nhập ổn định. Bị cáo H đang sinh sống cùng với bố mẹ và phụ thuộc về kinh tế, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Chu Thị D đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 99D1- 315.68; Anh Hải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc bị cáo vay tiền và để lại chiếc xe mô tô mà bị cáo trộm cắp làm vật bảo đảm, để vay số tiền 4.000.000đồng, đã được gia đình bị cáo hoàn trả số tiền bị cáo này. Chị D, anh H không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị cáo H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trước ngày 01/01/2018, do quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ xung năm 2017 có mức hình phạt nhẹ hơn quy định của Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, nhưng ở Khoản 1 của hai điều luật có mức hình phạt như nhau, do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo H ra tr-ớc Tòa án hôm nay theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng quy định, đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện VKSND huyện H về hình phạt đối với bị cáo H tại phiên tòa là có căn cứ, nhưng chưa thể hiện sự khoan hồng đối với bị cáo, chưa xem xét đến độ tuổi của bị cáo khi phạm tội (mới hơn 18 tuổi) và đề nghị hình phạt tù có thời hạn là rất nghiêm khắc.

Về vật chứng của vụ án: Đã được cơ quan Công an xử lý trả lại cho bị hại là đúng quy định.

Ý kiến của bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là khách quan, phù hợp với nội dung vụ án.

Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến H phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H 10(Mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến H cho UBND xã T V, huyện H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong tr-ờng hợp ng-ời đ-ợc h-ởng án treo thay đổi nơi c- trú, thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3 - Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm;

4 - Về quyền kháng cáo: Áp dụng Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện H;
- Bị cáo;
- Chi cục T.H.A H;
- Công an huyện H;
- L- u hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Công Hoan